ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

**TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN SƠN HÀ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

**TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN SƠN HÀ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Vũ Bá Luận | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Võ Hoàng Diễm Hằng | Phó hiệu trưởng  Bí thư chi bộ | Phó Chủ tịch  hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Vũ Kim Khánh | Tổ trưởng Tổ Văn phòng | Thư ký hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch công đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 5 | Lê Thiên Ân | Bí thư chi đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Tạ Thị Mỹ Liên | Khối trưởng khối 3.4.5 | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Trần Thị Kim Sang | Khối trưởng khối bộ môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Huỳnh Thanh Xuân | Kế toán | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Lê Hoàng Dung | Tổng phụ trách đội | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 4 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 6 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 14 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 17 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 17 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 17 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 20 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 22 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 24 |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học | 26 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 28 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 30 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 32 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 33 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 35 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 37 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 38 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 38 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 40 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 43 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 45 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 46 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 47 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập | 48 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học | 49 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị | 52 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 54 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 55 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 57 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 59 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 59 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 60 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 62 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 65 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 66 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường | 66 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 68 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác | 70 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học | 72 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục | 73 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 75 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 77 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 78 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**
   1. **Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 1

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: **Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà**

Tên trước đây: **Trường Phổ thông cơ sở cấp I Nguyễn Sơn Hà**

Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân Quận 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phố | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Vũ Bá Luận |
| Quận | 3 |  | Điện thoại | 0918633105 |
| Phường | 3 |  | FAX | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | http://thnguyensonha.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập | 1978 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| Khối lớp 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 4 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 5 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Cộng** | **10** | **10** | **10** | **10** | **10** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |
| 1 | Phòng học | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng học bộ môn | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| a | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Khối phòng phục vụ học tập | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| a | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| 1 | Phòng kiên cố | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **III** | Thư viện | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| 1 | Phòng Đoàn Đội | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phòng Y tế | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Phòng Thiết bị | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 4 | Phòng Bảo vệ | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
|  | **Cộng** | **18** | **18** | **18** | **18** | **18** |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: (Tháng 9 năm 2021)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 01 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 |  |
| Giáo viên | 14 | 12 | 0 | 03 | 11 | 0 |  |
| Nhân viên | 06 | 04 | 0 | 04 | 02 | 0 |  |
| **Cộng** | **22** | **17** | **0** | **07** | **15** | **0** |  |

b) Số liệu của 05 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 15 | 15 | 14 | 14 | 14 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 15/10  1,5 | 15/10  1,5 | 14/10  1,4 | 14/10  1,4 | 14/10  1,4 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 15/335  0,04 | 15/359  0,04 | 14/335  0,04 | 14/353  0,04 | 14/373  0,04 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 01 | 05 | 01 | 04 | 04 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số học sinh | 335 | 359 | 335 | 353 | 373 |
| *- Nữ* | 173 | 182 | 173 | 182 | 182 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 28 | 32 | 28 | 32 | 32 |
| *-Khối lớp 1* | 73 | 87 | 73 | 87 | 87 |
| *-Khối lớp 2* | 58 | 75 | 58 | 75 | 75 |
| *-Khối lớp 3* | 66 | 57 | 66 | 57 | 57 |
| *-Khối lớp 4* | 67 | 71 | 67 | 71 | 67 |
| *-Khối lớp 5* | 71 | 67 | 71 | 67 | 73 |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 73 | 87 | 73 | 87 | 87 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 335 | 359 | 335 | 353 | 353 |
| 4 | Bán trú | 297 | 314 | 297 | 314 | 314 |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 335/10  33,5 | 359/10  35,9 | 335/10  33,5 | 353/10  35,5 | 353/10  35,5 |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 335/335  100% | 359/359  100% | 335/335  100% | 353/353  100% | 353/353  100% |
| *- Nữ* | 173/335  51,6% | 182/359  50,7% | 173/335  51,6% | 182/353  51,6% | 182/353  51,6% |
| *- Dân tộc thiểu số* | 37/37  100% | 31/31  100% | 25/25  100% | 32/32  100% | 32/32  100% |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 98,5% | 99,2% | 99,7% | 98% | 99% |  |
| Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường được thành lập trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, có tên là Trường Tư thục Trí Đức.

Ngày 05 tháng 9 năm 1978, trường được quốc lập hóa. Ngày 15 tháng 02 năm 1985, trường được đổi tên là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Nguyễn Sơn Hà. Ngày 15 tháng 11 năm 1995 cho đến nay được mang tên Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.

Năm 2018 trường được khởi công xây dựng lại trên nền diện tích cũ và ngày 3 tháng 11 năm 2020 trường khánh thành.

Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà đóng tại địa bàn Phường 3, Quận 3 với đặc điểm dân cư giàu truyền thống cách mạng.

Với điều kiện cơ sở vật chất hiện tại, nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục, tạo được niềm tin của phụ huynh và học sinh. Trong quá trình thành lập và phát triển, nhà trường nhiều năm liền được công nhận danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến, Tập thể lao động Xuất sắc.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhà trường cần phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Thực hiện theo thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo quy định và được công nhận đạt chuẩn mức độ 1.

**Các giá trị truyền thống của trường**

Nhà trường luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả thực chất, vững vàng khi lên lớp trên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kĩ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung cả nước và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm phát triển của cả nước.

**Sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường**

Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, học sinh tích cực, chủ động, tự tin, tự trọng. Đặt nền móng cho việc hình thành nhân cách con người lao động mới: có đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

Tầm nhìn

Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà là một trường có chất lượng, năng động, là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có lòng nhân ái, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, luôn có ý chí vươn lên.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà theo kim chỉ nam: Hạnh - Học - Hỏi - Hiểu - Hành phát triển phù hợp với thực tiễn của thời kì hội nhập.

Giá trị cốt lõi

Giáo viên: Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều có trách nhiệm, không ngừng đổi mới, sáng tạo trong công việc.

Học sinh: Biết hợp tác, chia sẻ, thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà thực hiện tự đánh giá với mục đích đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu đồng thời đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ thực hiện công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về chất lượng giáo dục của nhà trường nhằm tạo nên niềm tin ở phụ huynh, học sinh và xã hội.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Tóm tắt quá trình tự đánh giá

Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã triển khai và quán triệt Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học đến tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-NSH ngày 01 tháng 8 năm 2021 của hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà gồm 09 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá bao gồm các nội dung: mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất chung và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ:

- Từ 01/8/2021 đến 01/9/2021: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện tìm minh chứng cho từng tiêu chí. Các thông tin, minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh hoạ cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá của trường. Phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Lập bảng danh mục mã minh chứng.

- Từ 02/9/2021 đến 01/10/2021: Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí. Phiếu đánh giá tiêu chí được lập cho từng tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá.

- Từ 02/10/2021 đến 01/11/2021: Hội đồng tự đánh giá thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá, dự thảo báo cáo tự đánh giá.

- Từ 02/11/2021 đến 01/12/2021: Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường, lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường để bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

- Từ 01/1/2022 đến 07/2/2022: Gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp; Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

- Từ 08/2/2020 đến 01/3/2020: Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá và thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá được trình mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá đã đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy những điểm mạnh, đề ra biện pháp khắc phục điểm yếu.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà, Quận 3 có cơ cấu tổ chức, quản lý và bộ máy nhà trường theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học: Trường có hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng; có tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm có: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp và tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng. Cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp khá chặt chẽ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Kế hoạch hoạt động của nhà trường được tổ chức một cách khoa học và thường xuyên; được theo dõi, kiểm tra, đánh giá một cách chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3

*Định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hiệu trưởng đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 có sự tham gia đóng góp ý kiến của hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản số 79/KH-NSH ngày 19 tháng 10 năm 2020 về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025”[H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại bảng thông tin của đơn vị. [H1-1.1-02].

Mức 2

Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường xây dựng thể hiện hình ảnh hiện thực trong tương lai mà nhà trường mong muốn đạt tới, các giải pháp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quận 3 và quy định của Luật Giáo dục [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Thành viên hội đồng giám sát các hoạt động của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chăm sóc và giáo dục học sinh theo từng giai đoạn.

Mức 3

Trường tổ chức sơ kết vào cuối học kỳ 1, tổng kết cuối năm học để rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với sự phát triển của giáo dục địa phương và xu thế phát triển hội nhập quốc tế. Việc họp định kì mỗi tháng rà soát có sự tham gia của Hội đồng trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh các lớp [H1-1.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục, đáp ứng định hướng của giáo dục, xu thế phát triển hội nhập của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh các lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường. Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng tổ chức triển khai đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng thông qua buổi họp hội đồng sư phạm, buổi họp cha mẹ học sinh của lớp, các buổi giao ban định kỳ tại địa phương; Website trường và thông tin tuyên truyền.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kì rà soát, đánh giá.*

Mức 2

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hội đồng trường được kiện toàn theo Tờ trình số 157/TT-NSH ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Trường tiểu học Nguyễn Sơn Hà. Trường còn các hội đồng như: Hội đồng Thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; Hội đồng coi và chấm kiểm tra định kì; Hội đồng xét duyệt học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học; Hội đồng tuyển sinh hoạt động theo đúng quy định Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Nhà trường có hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường giúp hiệu trưởng tuyển chọn, công nhận, tôn vinh giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường và đề xuất danh sách giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp quận; các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03].

c) Hội đồng trường trong các kỳ họp được nghe báo cáo, rà soát, đánh giá việc thực hiện nghị quyết của quý trước và đề ra nhiệm vụ, kế hoạch ở quý sau [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03].

Mức 2

Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt – học tốt, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu thi đua hằng năm [H1-1.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ các yêu cầu về việc thành lập, tổ chức hoạt động của Hội đồng trường. Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Hội đồng trường chưa tham gia bổ sung chiến lược phát triển nhà trường ở từng giai đoạn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục kiện toàn Hội đồng trường, tổ chức lấy ý kiến Hội đồng trường về chiến lược phát triển nhà trường sau mỗi năm học. Kể từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng quán triệt đến từng thành viên các biện pháp và phân công các thành viên tư vấn các hoạt động của nhà trường để mang lại hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng cao hơn.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 1.3 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà có Chi bộ Đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Phường 3. Các đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

b) Nhà trường có tổ chức Công đoàn. Ban chấp hành Công đoàn gồm có Chủ tịch và các uỷ viên. Tổ chức Công đoàn trường hoạt động dưới sự chỉ đạo của Liên đoàn Lao động Quận 3. Công đoàn cơ sởtrườngcó 21 công đoàn viên tham gia sinh hoạt với các nội dung hoạt động phong phú, nhiều hình thức [H1-1.3-01].

Đoàn thanh niên gồm 04 đoàn viên hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đoàn Phường 11, Quận 3 và Chi bộ Đảng nhà trường. Hằng năm, Chi đoàn đều tổ chức Đại hội để thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ qua và đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới. Việc huy động đoàn viên, thanh niên ở từng thời điểm có gặp khó khăn nhất định do cán bộ, giáo viên, nhân viên có kiêm nhiệm những công tác khác [H1-1.3-02].

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự hướng dẫn của Tổng phụ trách. Hằng năm, Liên đội tổ chức đại hội và bầu ra ban chỉ huy Liên đội. Đội. Liên đội do Tổng phụ trách kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong một số hoạt động có thời gian kéo dài [H1-1.3-03].

c) ) Hằng năm, các đoàn thể đều tổ chức báo cáo, rút kinh nghiệm và đánh giá hoạt động. Kết quả rà soát đánh giá được công khai trước hội đồng sư phạm và cha mẹ học sinh toàn trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2

a) Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà có 08 đảng viên (chính thức 07 đồng chí). Tất cả đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảng viên; Trong 05 năm liên tiếp (từ năm 2018 đến năm 2022) chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể khác như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều hoạt động tích cực, thông qua các hoạt động chăm lo về đời sống văn hoá, tinh thần cho người lao động, đoàn viên thanh niên và học sinh góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp kể từ năm 2018 đến năm 2022, chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động đồng bộ, phối hợp chặt chẽ với nhau để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường thông qua các hoạt động chăm lo về đời sống văn hoá, tinh thần cho người lao động, đoàn viên thanh niên và học sinh góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Việc huy động đoàn viên, thanh niên ở từng thời điểm có gặp khó khăn nhất định do cán bộ, giáo viên, nhân viên có kiêm nhiệm những công tác khác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, Chi bộ lãnh đạo các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường đưa nội dung hoạt động, phân công hợp lý công tác đối với các đoàn viên.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1

*a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường­;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường theo đúng quy định[H1-1-04-01].

b) Trường thành lập 03 tổ chuyên môn bao gồm: tổ chuyên môn khối lớp Một và lớp Hai, tổ chuyên môn khối lớp Ba, lớp Bốn và lớp Năm, tổ bộ môn. Mỗi tổ chuyên môn có từ 04 đến 06 giáo viên. Mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1-04-02].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động có kế hoạch, sinh hoạt đều đặn 02 tuần/lần, có sơ kết, tổng kết và được kiểm tra theo đúng quy chế [H1-1-04-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2

a) Các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện chuyên đề nhằm giúp giáo viên học tập, nâng cao tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1-04-03].

b) Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng tham gia sinh hoạt chuyên môn để cùng các thành viên của tổ rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của các tổ kịp thời định hướng, chỉ đạo các hoạt chuyên môn nhằm mang lại hiệu quả cao [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đảm bảo tốt cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, trong lúc sinh hoạt tổ còn thành viên chưa thường xuyên góp ý, thảo luận [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, tham gia gửi các bài giảng ghi hình cho quận [H1-1-04-09].

**2. Điểm mạnh**

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường­.

**3. Điểm yếu**

Trong tổ còn số ít thành viên chưa thường xuyên góp ý, thảo luận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ trưởng phân công đều nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ để phát huy tính tích cực, chủ động trong việc thảo luận, đóng góp ý kiến.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

Mức 1

*a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2

*a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có đủ các khối lớp tiểu học: 02 lớp Một, 02 lớp Hai, 02 lớp Ba, 02 lớp Bốn và 02 lớp Năm. Mỗi lớp học có một giáo viên làm chủ nhiệm [H1-1-05-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp học có lớp trưởng, lớp phó; các tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-02].

c) Đầu mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh của lớp bầu chọn lớp trưởng, lớp phó (hội đồng tự quản) và luân phiên thay đổi sau mỗi học kỳ tùy theo tình hình học tập và hoạt động của lớp [H1-1.5-03].

Mức 2

a) Trường hiện có 10 lớp (bao gồm 02 lớp Một, 02 lớp Hai, 02 lớp Ba, 02 lớp Bốn và 02 lớp Năm) [H1-1.5-01].

b) Sĩ số học sinh trong mỗi lớp bình quân là 37 em. Sĩ số học sinh thường không duy trì ổn định do cha mẹ thay đổi nơi ở [H1-1.5-02].

c) Các lớp học được tổ chức linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục [H1-1.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt việc tổ chức, biên chế các lớp học phù hợp với đặc điểm tình hình của trường. Trường có đủ số lớp học từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Sĩ số học sinh bình quân là 37 em, cao hơn quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân Quận 3, Phòng Giáo dục và Đào tạo định hướng tiếp tục duy trì sĩ số bình quân/ lớp không quá 35 học sinh.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kì tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đúng quy định theo Luật Lưu trữ [H1-1.6-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Việc kiểm kê tài sản theo quy định được thực hiện định kì vào cuối mỗi năm học, tuy nhiên công tác thanh lý tài sản còn chậm do bàn giao khi luân chuyển công tác của nhân viên kế toán [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

c) Nhà trường đã tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02].

Mức 2

a) Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua các phần mềm được hiệu trưởng và kế toán thực hiện [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận quyết toán, kiểm tra của phòng tài chính [H1-1.6-07].

Mức 3

Hiệu trưởng đang xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn 05 năm, trung hạn 03 năm và ngắn hạn bảo đảm chế độ, chính sách theo Điều 43 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 [H1-1.6-02]

**2. Điểm mạnh**

Hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường đầy đủ đúng theo quy định, thực hiện đầy đủ dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính

**3. Điểm yếu**

Công tác thanh lý tài sản còn chậm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo kế toán hoàn thành công tác thanh lý tài sản, tiếp tục hoàn thiện kế hoạch tài chính dài hạn 05 năm, trung hạn 03 năm và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của đơn vị và thực tế địa phương

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Mỗi năm học, nhà trường đều xây dựng kế hoạch chuyên đề bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01].

b) Hiệu trưởng thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng; được hưởng đầy đủ các quyền lợi về: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, định mức tiết dạy, chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm qua việc sắp xếp giáo viên dạy đúng, đủ số tiết, giải quyết nghỉ phép đúng quy định [H1-1.7-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.7-03]

Mức 2

Nhà trường tổ chức các hoạt động thi đua tạo nên động lực để tập thể sư phạm nỗ lực hoàn thành công tác với hiệu quả cao góp phần xây dựng và phát triển nhà trường. Tuy nhiên, trong nhà trường vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi, giáo viên mới ra trường chưa phát huy tốt năng lực, sở trường trong vận dụng phương pháp mới trong giảng dạy [H1-1.1-04]; [H1-1.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định. Trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ thông tin.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tăng cường xây dựng các chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và nhận xét, đánh giá học sinh. Thực hiện tốt việc phối kết hợp giáo viên trẻ với giáo viên lớn tuổi để hỗ trợ việc thực hiện tốt nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, thể hiện trong kế hoạch, báo cáo hàng tháng của nhà trường, qua kế hoạch giáo dục của giáo viên; sổ họp chuyên môn, biên bản sinh hoạt chuyên môn [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

c) Kế hoạch giáo dục được sơ kết, tổng kết sau mỗi học kì và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn giáo dục của nhà trường tuy nhiên việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục chưa thường xuyên [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04].

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được thể hiện trong biên bản kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục của các cấp và bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận các hội thi của các đoàn thể [H1-1.1-03]; [H1-1.5-02]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Nhà trường quản lý tốt các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu đầu năm học 2022 - 2023, nhà trường sẽ tăng cường kiểm tra việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Các kế hoạch của nhà trường đều được đưa ra tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi phát hành văn bản chính thức. Cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy quyền làm chủ tập thể gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên vẫn còn giáo viên, nhân viên e ngại trong đóng góp ý kiến [H1-1.7-03]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng quy định. [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

c) Trường đã báo cáo và được kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-02].

Mức 2

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua việc giám sát của các tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường [H1-1.9-04].

**2. Điểm mạnh**

Các kế hoạch của nhà trường đều được đưa ra tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi phát hành văn bản chính thức.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên còn e ngại trong đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng cùng đoàn thể và tổ chức trong nhà trường sẽ thực hiện việc gửi phiếu góp ý đến từng thành viên để tham gia thảo luận các kế hoạch của trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường thành lập Ban an toàn trường học; Ban chỉ đạo phòng chống CVID-19, tổ an toàn CVID-19, phân công bảo vệ trực 24/24 giờ để đảm bảo an ninh trật tự, thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo về phòng chống dịch bệnh. Nhà trường xây dựng cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, .. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân Nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho tập thể nhân viên và học sinh với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai tập huấn cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm đơn vị [H1-1.10-06].

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong trường [H1-1.4-07].

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-08].

b) Chính quyền cùng các đoàn thể thực hiện tốt biện pháp tuyên truyền, giáo dục, thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự để từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Nhà trường được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3 về hỗ trợ tốt trong công tác phòng chống dịch COVID-19 [H1-1.10-02].

Nhiều năm liền, trường đạt tiêu chuẩn “Trường học An toàn, Phòng chống tai nạn, thương tích”. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn một vài trường hợp học sinh vui đùa quá trớn bị té ngã trong giờ ra chơi [H1-1.4-07].

**2. Điểm mạnh**

Công tác an toàn phòng chống dịch bệnh, an ninh trật tự cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn được đảm bảo.

**3. Điểm yếu**

Còn trường hợp học sinh chạy giỡn bị té ngã trong giờ chơi

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022- 2023, hiệu trưởng chỉ đạo tổng phụ trách đội phối hợp cùng lực lượng Đội Sao Đỏ thường xuyên nhắc nhở học sinh trong giờ ra chơi không đùa giỡn quá trớn dễ bị té ngã, thương tích.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1**

**Điểm mạnh nổi bật**

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được tổ chức và thực hiện tốt với cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường tiểu học. Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi đoàn, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện đúng chức năng, hoạt động tuân thủ điều lệ; phối hợp đồng bộ. Tổ chuyên môn với năng lực và tay nghề khá vững vàng, thực hiện hiệu quả các kế hoạch hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Nhân viên tổ văn phòng có ý thức chấp hành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện công việc có hiệu quả.

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường từng bước đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành, hòa nhập vào xu thế chung của giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh trên con đường hội nhập và phát triển đi lên.

**Điểm yếu cơ bản**

Sĩ số học sinh còn cao hơn quy định.

Việc vận động đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động ở từng thời điểm còn gặp khó khăn nhất định do giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm công tác.

**Tự đánh giá**

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 1: 0/10 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 07/10 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 2: 03/10 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 0/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 04/04 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường còn hạn chế, tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà đã nỗ lực phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc; có sự đoàn kết, thống nhất cao, phân công, phân nhiệm rõ ràng để cùng phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đa số giáo viên nhiệt tình, nắm vững chuyên môn, truyền thụ kiến thức tốt, hết lòng tận tâm vì học sinh, tích cực tham gia các hoạt động nhà trường. Đội ngũ nhân viên có ý thức trách nhiệm cao trong công việc. Học sinh tích cực tham gia tốt các phong trào. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn quan tâm hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có bằng cấp phù hợp với vị trí làm. Hiệu trưởng có 16 năm đứng lớp giảng dạy và phó hiệu trưởng có 14 năm đứng lớp giảng dạy. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có quyết định bổ nhiệm của Ủy ban nhân dân Quận 3 theo đúng quy định [H1-1.4-01].

b) Cán bộ quản lý được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá và xếp loại Tốt trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ trung cấp chính trị. Tất cả đều tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý do Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Tuy nhiên, kĩ năng giao tiếp tiếng Anh còn hạn chế [H1-1.4-01].

Mức 2

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng liên tục được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt trở lên 05 năm liền. Ủy ban nhân dân Quận 3 đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong nhiều năm liền [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng có trình độ và phó hiệu trưởng có trình độ Trung cấp lý luận chính trị; có các chứng chỉ chứng nhận hoàn thành các lớp bồi dưỡng, cập nhật về an ninh quốc phòng [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng liên tục được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt trở lên [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản được bồi dưỡng về quản lý giáo dục, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về quản lý, được tập thể tín nhiệm.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng quản lý hiệu quả các hoạt động nhà trường, hằng năm được đánh giá từ khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng sẽ bồi dưỡng và trau dồi kiến thức về tiếng Anh. Sắp xếp thời gian tham gia các khó học để tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 3.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2

*a) Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

*a) Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có 14 giáo viên (10 giáo viên dạy nhiều môn, 01 giáo viên dạy mỹ thuật, 01 giáo viên dạy âm nhạc, 01 giáo viên dạy tiếng Anh, 01 giáo viên dạy thể dục). Trường thưc hiện dạy học 2 buổi/ ngày. Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Trường hiện có giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.5-01]; [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) 100% giáo viên trường đang thực hiện lộ trình đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H1-1.1-07]; [H2-2.2-01].

Một số giáo viên sắp nghỉ hưu chưa có bằng đại học.

c) Trường có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

a) Tỉ lệ giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo đáp ứng đúng lộ trình đến năm 2030 [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-03]; [H1-1.9-01].

Mức 3

a) Tỉ lệ giáo viên của trường trên chuẩn trình độ đào tạo chưa đạt 65%theo yêu cầu [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường thưc hiện dạy học 2 buổi/ ngày. Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên sắp nghỉ hưu chưa có bằng đại học.

Tỉ lệ giáo viên của trường trên chuẩn trình độ đào tạo chưa đạt 65%

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Số lượng nhân viên trong nhà trường là 05 người, có đầy đủ quyết định phân công, phân nhiệm theo quy định. Trường có đủ nhân viên làm công tác văn thư kiêm thủ quỹ, thư viện – thiết bị; nhân viên kế toán; nhân viên y tế; bảo vệ, phục vụ theo đúng định biên trường loại III [H1-1.5-01].

b) Nhân viên y tế, kế toán, văn thư được phân công công việc phù hợp theo năng lực, thể hiện trong Quyết định phân công hằng năm [H1-1.5-01].

c) Nhân viên luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

Mức 2

a) Trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3

a) Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có bằng Cao đẳng theo chuyên môn được giao. Nhân viên y tế, nhân viên thư viện có bằng Trung cấp theo chuyên môn được giao [H2-2.2-01].

b) Nhân viên trường tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời, không có trường hợp khiếu nại trong những năm học qua. Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, phối hợp, hỗ trợ nhau trong công việc.

**3. Điểm yếu**

Trường không có nhân viên phụ trách thư viện, thiết bị nên phân công kiêm nhiệm chưa đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022-2023, trường có kế hoạch và cử viên chức làm công thiết bị, văn thư đi học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chuẩn quy định.

**5. Tự đánh giá**: Đạt mức 2.

***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Học sinh của trường đều có độ tuổi đúng quy định theo Điều lệ trường tiểu học từ 6 đến 14 tuổi [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ trường tiểu học. Tuy nhiên, trong từng thời điểm còn một số học sinh chưa tích cực trong học tập và rèn luyện. Nhà trường tăng cường các biện pháp giáo dục tích cực nhằm giúp đỡ học sinh thực hiện, hoàn thành tốt việc học tập, rèn luyện tại trường. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên nhắc nhở đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ và điều chỉnh hành vi chưa đúng của học sinh [H2-2.4-01]; [H2-2.4-03].

c) Học sinh trong nhà trường luôn được quan tâm bảo vệ, chăm sóc. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định; đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H2-2.4-04].

Mức 2

Giáo viên kịp thời giáo dục học sinh, áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp nên học sinh vi phạm các hành vi không được làm có chuyển biến tích cực [H1-1.5-02].

Mức 3

Học sinh của trường đã tích cực tham gia các hội thi do quận, thành phố tổ chức và đã giành nhiều giải thưởng cao. Những học sinh này đã được tuyên dương, khen thưởng trở thành những tấm gương cho các học sinh khác noi theo, tạo dựng được những ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh của trường đều có độ tuổi đúng quy định, thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của học sinh tiểu học, luôn được quan tâm bảo vệ, chăm sóc, phát huy các quyền của học sinh theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Trong từng thời điểm có một số học sinh chưa tích cực trong học tập và rèn luyện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022- 2023, Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm cùng với Ban đại điện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh nhằm giáo dục học sinh tích cực hơn trong học tập. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường giáo dục học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ, rèn luyện đạo đức.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2**

**Điểm mạnh nổi bật**

Đội ngũ nhân viên của nhà trường nhiệt tình trong công tác, luôn cố gắng vượt khó hoàn thành các nhiệm vụ. Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng phân công giáo viên giảng dạy, công tác theo đúng chuyên môn; nghiệp vụ. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách theo quy định.

Học sinh đạt nhiều thành tích trong học tập và rèn luyện, đáp ứng tốt các yêu cầu theo Quy định của Điều lệ trường tiểu học.

**Điểm yếu cơ bản:**

Chưa có giáo viên chuyên trách làm Tổng phụ trách Đội (chỉ có giáo viên kiêm nhiệm). Trường không có nhân viên thư viện – thiết bị nên phân công người kiêm nhiệm chưa đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

**Tự đánh giá:**

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 04/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 1: 0/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 03/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 2: 01/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 02/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 02/04 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Trường luôn cố gắng đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Khuôn viên nhà trường đã có sự riêng biệt. Các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập, phòng hành chánh, hầm để xe, khu vực vệ sinh được xây dựng theo đúng quy định. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý và giáo dục đầy đủ. Trường có hệ thống điện năng lượng mặt trời sử dụng chung với hệ thống điện quốc gia. Nhà trường luôn quan tâm nâng cấp, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất hằng năm.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

Mức 1

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có diện tích khuôn viên 578,5m2 với tổng tổng diện tích sàn xây dựng kể cả sàn tầng hầm và mái che thang là 1704,07 m², gồm 01 tầng hầm, 01 trệt và 04 lầu phục vụ cho 373 học sinh, bình quân 4,9 m2/học sinh. Trên tầng sân thượng của trường được gắn hệ thống điện năng lượng mặt trời. Diện tích đất sân bãi nội bộ, giao thông, cây xanh: 258,04 m². Nhà trường luôn quan tâm đến việc trồng và chăm sóc cây xanh, tạo mảng xanh [H2-2.4-04]; [H3-3.1-01].

b) Trường có 2 cổng: 01cổng chính nằm ở đường Cao Thắng, 01 cổng phụ nằm ở hẻm giúp phụ huynh thuận tiện trong việc đưa đón con em và giảm ùn tắc giao thông vào những giờ cao điểm. Trường có biển tên trường, có tường rào bao quanh đảm bảo an toàn và thẩm mỹ [H3-3.1-01].

c) Tổng diện tích dành cho sân chơi, bãi tập là 250 m², chiếm 43,25% diện tích mặt bằng của trường [H3-3.1-01].

Mức 2

a) Diện tích khuôn viên của trường 289,22 m² so với tổng số học sinh là 373 học sinh (bình quân 0,77 m2/học sinh). Như vậy trường chưa đủ diện tích đạt theo quy định tại Khoản 2, Điều 45, Điều lệ trường tiểu học là 6m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố. Trường có sân chơi cũng là sân tập thể dục thể thao. Diện tích sân chơi của trường là 250 m2 [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

b) Hệ thống cây xanh của trường được chăm sóc thường xuyên. Sân chơi cũng là sân tập luyện thể dục thể thao luôn sạch đẹp, thoáng mát tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh vui chơi, tập luyện [H2-2.4-05].

Mức 3

Sân chơi, sân tập của trường bằng phẳng nhưng chưa trang bị dược nhiều đồ chơi cho học sinh [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự; có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt, có sân để học sinh vui chơi và tập thể dục, các hạng mục xây dựng đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6 m2/học sinh đối với khu vực thành phố.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm 2022-2023, hiệu trưởng sẽ tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các cấp có thẩm quyền đầu tư, mở rộng diện tích cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá**:Đạt mức 1.

***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

Mức 1

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2

*a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

*c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường có 10 phòng học đủ cho 10 lớp riêng biệt. Phòng học được trang trí phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của học sinh [H1-1.5-03]; [H3-3.2-01].

b) Phòng học có đủ bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh. Bàn, ghế giáo viên được thiết kế phù hợp. Bảng từ ở các lớp được trang bị đồng bộ cùng màu xanh lá đậm với đường kẻ trắng rất rõ ràng ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định [H1-1.4-07]; [H1-1.5-03].

c) Phòng học có đủ hệ thống chiếu sáng, đủ ánh sáng cho giáo viên và học sinh. Trong phòng mỗi lớp học đều có quạt, thoáng mát, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học [H1-1.5-03]; [H1-1.6-04].

Mức 2

a) Diện tích mỗi phòng học của trường đạt 48m2/phòng đủ tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.1-03].

b) Mỗi lớp có trang bị 01 máy chiếu, 01 ti vi. Tủ đựng đồ dùng dạy học trong lớp học đảm bảo đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Kích thước, vật liệu, màu sắc bàn, ghế của học sinh đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông [H1-1.5-03].

Mức 3

Trường chưa có phòng riêng để dạy môn tin học, ngoại ngữ. Không có các phòng học cho các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học cũng như phòng học hỗ trợ cho học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Phòng học đủ cho các lớp riêng biệt, đáp ứng việc dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có các phòng học cho các môn tin học, âm nhạc, mỹ thuật, khoa học cũng như phòng học hỗ trợ cho học sinh khuyết tật, học sinh năng khiếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, các cấp lãnh đạo, kết hợp với các mạnh thường quân để cải tạo thêm phòng dạy tin học – công nghệ, xây dựng thêm các phòng học riêng biệt cho các bộ môn và phòng học hỗ trợ cho học sinh khuyết tật.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

Mức 3

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Khối phòng phục vụ học tập có: phòng thư viện, phòng thiết bị [H3-3.1-03]; [H3-3.3-01].

b) Khối phòng hành chính - quản trị có: phòng hiệu trưởng, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ. Trường chưa có phòng truyền thống và phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng giáo dục thể chất [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03]; [H3-3.3-01].

c) Khu để xe được bố trí ở tầng hầm, đảm bảo đủ chỗ để xe cho giáo viên và khách liên hệ công tác [H3-3.1-03].

Mức 2

a) Trường có khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định. Nhà trường không có bếp ăn nên hợp đồng công ty suất ăn cung cấp tại trường. Trường chưa có khu nhà nghỉ riêng biệt [H1-1.4-07]; [H1-1.6-04].

b) Trường chưa có phòng quản lý hồ sơ đảm bảo cho công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung [H3-3.1-03].

Mức 3

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường được sắp xếp hợp lý có đầy đủ các thiết bị, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định và có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học phục vụ tốt cho công tác dạy và học, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có phòng truyền thống và phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng giáo dục thể chất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, lãnh đạo các cấp có thẩm quyền quan tâm, cải tạo và xây dựng thêm cơ sở vật chất cho trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Mỗi tầng lầu đều có nhà vệ sinh dành cho học sinh nam, nữ riêng biệt và phòng vệ sinh dành cho giáo viên. Nhà vệ sinh sạch sẽ, vị trí phù hợp [H3-3.4-01].

b) Hệ thống nước thủy cục đủ phục vụ nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Định kì hằng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra, xét nghiệm nguồn nước theo quy định. Hệ thống thoát nước đạt yêu cầu [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Trường có hợp đồng với dịch vụ thu gom rác và xử lý chất thải của công ty Công ích Quận 3 thu gom rác mỗi ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-04].

Mức 2

a) Khu vệ sinh của mỗi tầng được bố trí cuối các dãy phòng học, phù hợp với cảnh quan. Các trang thiết bị vệ sinh tiện nghi, đúng quy cách [H1-1.4-07]; [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp thoát nước đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Trường có hợp đồng thu gom rác theo quy định. Tuy nhiên việc thu gom chất thải rắn nguy hiểm còn chưa chủ động [H1-1.4-07].

**2. Điểm mạnh**

Các công trình vệ sinh của nhà trường phù hợp, vệ sinh, an toàn. Hệ thống nước sử dụng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của học sinh, giáo viên, nhân viên toàn trường.

**3. Điểm yếu**

Việc thu gom chất thải rắn nguy hiểm còn chưa chủ động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2022 - 2023, Hiệu trưởng ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải rắn nguy hiểm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Trường trang bị đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác gồm: máy tính, máy in, máy photocopy, máy scan, laptop, hệ thống loa [H1-1.6-04].

b) Trong lớp học có tủ đựng bộ đồ thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo viên sử dụng [H1-1.6-04]; [H3-3.5-01].

c) Trường thường xuyên tiến hành kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp đồ dùng và thiết bị dạy học [H1-1.6-04]; [H3-3.5-02].

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-03].

b) Trường trang bị đủ thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường đều bổ sung các thiết bị dạy học. Tuy nhiên, phong trào tự làm đồ dùng dạy học chưa phát triển rộng, giáo viên chưa tham gia đều [H3-3.5-02]; [H3-3.5-04].

Mức 3

Thiết bị dạy học được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Còn một số thiết bị tự làm chưa được sử dụng rộng rãi [H3-3.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo đủ thiết bị văn phòng, đồ dùng dạy học tối thiểu cho giáo viên. Hệ thống máy tính được kết nối internet. Đồ dùng dạy học được bổ sung hàng năm.

**3. Điểm yếu**

Phong trào tự làm đồ dùng dạy học chưa phát triển rộng, vẫn còn giáo viên chưa tham gia đều. Một số đồ dung dạy học tự làm chưa được sử dụng rộng rãi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng phân công Phó hiệu trưởng và bộ phận thiết bị tổ chức hội thi và giới thiệu đồ dùng dạy học tự làm đảm bảo tất cả giáo viên tham gia.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Diện tích thư viện 48 m2, có đủ sổ sách theo quy định đối với thư viện trường học. Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, phòng thư viện dùng chung với phòng thiết bị do diện tích trường nhỏ [H3-3.6-01].

b) Thư viện có nội quy, có tủ, kệ đựng sách được phân chia theo từng loại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hoạt động thư viện xanh đạt hiệu quả với chuyên đề sách của từng tháng tổ chức các hoạt động thu hút học sinh. Nhà trường cũng chú trọng xây dựng thói quen đọc sách, góp phần hình thành văn hóa đọc trong học sinh [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Nhà trường đã xây dựng thư viện xanh và từng bước hoàn thiện để học sinh có nơi đọc sách thoáng mát, có đầy đủ các loại sách, báo,... cần thiết phục vụ tốt cho người đọc.

c) Sách báo, tài liệu tham khảo thường xuyên được bổ sung cho giáo viên tham khảo, đa dạng hóa các đầu sách đọc cho nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên [H1-1.4-06]; [H3-3.6-01];

Mức 2

Thư viện của nhà trường được công nhận là thư viện đạt chuẩn nhiều năm liền [H1-1.4-06].

Mức 3

Thư viện có hệ thống máy tính tại chỗ để phục vụ nhu cầu tra cứu cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Tuy nhiên đường truyền chưa đảm bảo tính lien tục [H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện được xây dựng theo mô hình thư viện xanh nhằm khắc phục hạn chế về diện tích, tăng cơ hội đọc sách cho học sinh

**3. Điểm yếu**

Thư viện trường chưa đạt được thư viện tiên tiến. Phòng thư viện dùng chung với phòng thiết bị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng phát huy hiệu quả các hoạt động của thư viện, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thư viện, bổ sung nhiều loại sách báo phong phú về nội dung, nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu đọc, tham khảo, nghiên cứu của giáo viên và học sinh để đạt danh hiệu thư viện tiên tiến.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3**

**Điểm mạnh nổi bật**

Trường có khuôn viên riêng biệt, cảnh quan môi trường thân thiện luôn được chăm sóc, sạch đẹp, thoáng mát, tạo cảm giác thoải mái cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phòng học có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Hệ thống các phòng học, phòng chức năng kiên cố, đa số đảm bảo đúng quy cách theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Công trình vệ sinh của nhà trường được bố trí hợp lý, được quan tâm bảo dưỡng, duy trì ở mức xanh - sạch - đẹp.

**Điểm yếu cơ bản**

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu 6m2/ học sinh đối với khu vực thành phố.

Trường chưa có phòng truyền thống và phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng giáo dục thể chất, phòng đa năng, phòng tin học.

**Tự đánh giá**

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 06/06 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 1: 0/06 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 02/06 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 2: 04/06 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 0/05 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 05/05 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, nhà trường đã luôn tạo sự gắn bó chặt chẽ giữa các mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội và tranh thủ khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài nhà trường, thúc đẩy xã hội hóa để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với phụ huynh học sinh thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm thúc đẩy các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh theo yêu cầu mới của xã hội, tạo niềm tin cho phụ huynh học sinh nói chung và nhân dân Phường 3, Quận 3 nói riêng.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của trường được bầu ra vào đầu năm học thông qua Đại hội cha mẹ học sinh của lớp và của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 tháng 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường có kế hoạch, hoạt động hiệu quả, phối hợp tốt với nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh và xây dựng kế hoạch phát triển; báo cáo hoạt động theo đúng quy định [H4-4.1-01].

c) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và họp toàn thể cha mẹ học sinh theo định kì hoặc khi có yêu cầu đột xuất. Tuy nhiên, hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp không đồng đều nhau [H4-4.1-02].

Mức 2

Nhà trường luôn tạo điều kiện để cha mẹ học sinh cùng tham gia vào các hoạt động giáo dục học sinh nhằm có sự phối hợp có hiệu quả, tranh thủ sự thông cảm, chia sẻ của phụ huynh học sinh đối với những nỗ lực phấn đấu của đội ngũ góp phần đạt được những yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động giáo dục [H1-1.1-03]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường luôn là cầu nối giúp nhà trường giáo dục học sinh trên mọi lĩnh vực; thực hiện xã hội hóa giáo dục và khen thưởng động viên học sinh kịp thời khi các em đạt thành tích cao trong học tập cũng như các hoạt động khác. Tuy nhiên vẫn còn một số phụ huynh chưa quan tâm đến hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh nên việc vận động các nguồn lực trên tinh thần tự nguyện chưa đồng bộ [H4-4.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động hiệu quả, phối hợp tốt với nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh và xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động giáo dục. Việc vận động các nguồn lực trên tinh thần tự nguyện chưa đồng bộ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và đẩy mạnh công tác vận động đến từng phụ huynh hưởng ứng, làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động; chủ động tham mưu và thường xuyên báo cáo cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường luôn tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân phường và các ban ngành đoàn thể để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương: phối hợp giữ gìn trật tự an toàn giao thông trong giờ tan trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trước cổng trường học, xây dựng cổng trường "An toàn - sạch đẹp”; tuyên truyền giáo dục học sinh về nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

c) Việc huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được nhà trường thực hiện đúng quy định [H4-4.1-02].

Mức 2

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham mưu bằng văn bản cũng như trực tiếp đóng góp ý kiến thông qua cuộc họp Ban chấp hành Đảng ủy, các ban ngành đoàn thể Phường 3 về việc tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01].

b) Chi Đoàn, Tổng phụ trách đội liên hệ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Việc tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hoá còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào Ban chỉ huy Liên đội thực hiện [H4-4.2-02].

Mức 3

Nhà trường chưa có kế hoạch xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động; chủ động tham mưu và thường xuyên báo cáo cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

**3. Điểm yếu**

Còn hạn chế trong việc tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hoá.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, Bí thư chi đoàn, tổng phụ trách đội thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức cho học sinh được tham gia chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hoá ở trong và ngoài quận.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4**

**Điểm mạnh nổi bật**

Mối quan hệ giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh chặt chẽ, có sự thống nhất về kế hoạch hoạt động. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng Điều lệ, có hiệu quả, góp phần tích cực trong các mặt hoạt động giáo dục của nhà trường. Phong trào xã hội hóa giáo dục của nhà trường được đẩy mạnh.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện.

**Điểm yếu cơ bản**

Vẫn còn một số cha mẹ học sinh chưa có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động giáo dục.

Còn hạn chế trong việc tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hoá.

**Tự đánh giá**

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 02/02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 1: 0/02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 01/02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 2: 01/02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 0/02 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 02/02 tiêu chí.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:**

Chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục được nhà trường thực hiện đúng theo quy định. Hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả cao. Các kế hoạch hoạt động giáo dục đều được thảo luận, thống nhất trước khi triển khai đến Hội đồng sư phạm. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, tạo được sự uy tín và niềm tin đối với ngành giáo dục, địa phương và cha mẹ học sinh. Thông qua các ngày lễ lớn, ngày truyền thống, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, nhà trường phối hợp với các đoàn thể tổ chức các hoạt động giáo dục tạo môi trường hoạt động tập thể, vui chơi lành mạnh, đầy bổ ích cho học sinh. Trong quá trình giáo dục, kết quả giáo dục phản ánh được thực trạng dạy và học của nhà trường. Việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của học sinh luôn được quan tâm.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

Mức 1

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Giáo viên trường đảm bảo thực hiện đúng quy định Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch năm học của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 phê duyệt [H1-1.1-03].

Mức 2

a) Căn cứ vào hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, hằng năm trường xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, thời khóa biểu phù hợp. Tuy nhiên, do sân trường nhỏ hẹp nên việc lựa chọn những hình thức sinh hoạt theo kế hoạch còn hạn chế [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Thông qua trang web của trường; Đại hội cha mẹ học sinh; họp định kì cha mẹ học sinh các lớp; họp hội đồng sư phạm mà Kế hoạch năm học của nhà trường được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.6-03]; [H1-1.9-01]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cập nhật thường xuyên các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Tuy nhiên, do sân trường nhỏ hẹp nên việc lựa chọn những hình thức sinh hoạt theo kế hoạch còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo tổng phụ trách Đội xây dựng các kế hoạch sinh hoạt phù hợp với diện tích sân trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Mức 1

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 để xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục cho từng năm học [H5-5.1-01].

b) Giáo viên tham gia tốt các chuyên đề về vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Tuy nhiên, do số lượng lớp ít ở mỗi khối (2 lớp/khối) nên việc triển khai chuyên đề ở tổ khối còn nhiền khó khăn, chủ yếu tập trung ở chuyên đề trường [H5-5.2-01].

c) Nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo hướng dẫn Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 2

a) Trường đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên linh hoạt lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp đặc biệt thể hiện trong giai đoạn học sinh không đến trường do phòng chống dịch COVID-19 [H5-5.2-01].

b) Trong từng tiết học giáo viên thường có các hình thức, câu hỏi để phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Đối với học sinh chưa hoàn thành, giáo viên phụ đạo ngay trong từng tiết học và trong buổi thứ hai [H5-5.2-03].

Mức 3

Hằng năm nhà trường rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.8-04]; [H5-5.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng tốt kế hoạch hoạt động chuyên môn và triển khai thực hiện hiệu quả giúp học sinh phát huy năng lực cá nhân trong quá trình học tập. Việc chỉ đạo đổi mới giúp giáo viên chủ động, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, lựa chọn nội dung, hình thức dạy học, phù hợp.

**3. Điểm yếu**

Số lượng lớp ít ở mỗi khối (2 lớp/khối) nên việc triển khai chuyên đề ở tổ khối còn nhiền khó khăn, chủ yếu tập trung ở chuyên đề trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng phối hợp với phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn tích cực dự giờ giáo viên để tư vấn, giúp đỡ, kết hợp chuyên đề trường với ứng dụng vào thực tiễn dạy học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Các hoạt động giáo dục như: giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục an toàn giao thông, nha học đường,... được thực hiện đảm bảo đúng theo kế hoạch đề ra [H4-4.2-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động đa dạng, phù hợp với lứa tuổi học sinh và điều kiện của nhà trường như: thi vẽ tranh, thi đấu các môn thể thao, thi văn nghệ, lễ hội Trăng rằm,.. [H1--03]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Hoạt động giáo dục của nhà trường được tổ chức thu hút học sinh tham gia. Tuy nhiên hoạt động tham quan ngoại khoá chưa đạt 100% học sinh tham gia vì điều kiện kinh tế và sức khoẻ của các em [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03].

Mức 2

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng giúp học sinh phát huy được tính chủ động sáng tạo của mình. Từ đó các em yêu thích và tích cực tham gia hơn. Các hoạt động lao động vệ sinh môi trường; sinh hoạt giao lưu, học tập; văn nghệ, hội thao, … đã trở nên quen thuộc và thu hút sự tham gia của đông đảo các em [H1--03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03].

Mức 3

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt được phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh. Nhiều học sinh tham gia hoạt động câu lạc bộ đã đạt thành tích cao trong các hội thi, hội thao học sinh [H1-1.8-06].

**2. Điểm mạnh**

Các kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp rõ ràng, cụ thể, phân công nhân sự hợp lý, thu hút học sinh ham thích tham gia. Học sinh đạt các giải thưởng cấp quận trong các hội thi.

**3. Điểm yếu**

Tỉ lệ học sinh tham gia các hoạt động tham quan ngoại khóa chưa đạt 100%.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm vận động phụ huynh và Ban đại diện cha mẹ học sinh tạo điều kiện để tất cả học sinh có thể tham gia hoạt động tham quan ngoại khoá cùng nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

Mức 1

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp tốt với địa phương để thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học thông qua việc rà soát các biện pháp triển khai phổ cập giáo dục theo từng năm học. Tuy nhiên vẫn còn phụ huynh do đã thay đổi chỗ ở, cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục tại địa phương không thống kê được chính xác số liệu so với thực tế [H2-2.4-02].

b) Nhà trường thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi thu hút 100% trẻ 6 tuổi vào lớp Một theo kế hoạch phân bổ của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 [H2-2.4-02].

c) Nhà trường quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định [H2-2.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, vận động hỗ trợ kịp thời cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật, hạn chế tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành lớp học, bỏ học.

**3. Điểm yếu**

Một số ít hộ gia đình tại địa phương đã thay đổi chỗ ở, cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục tại địa phương không thống kê được chính xác số liệu so với thực tế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cán bộ phổ cập giáo dục địa phương nắm chắc các trường hợp học sinh ra lớp 1 nhưng đã chuyển đi nơi khác để thực hiện chính xác việc thống kê.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

Mức 1

*a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

*c) Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80% đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2

*a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

*b) Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3

*a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường trong 05 năm qua đạt trên 98% [H5-5.5-01].

b) Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02].

c) Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 2

a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường trong 05 năm qua đạt trên 98% [H5-5.5-02].

b) Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 3

a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường trong 05 năm qua đạt trên 98%. Còn một số em học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02].

**2. Điểm mạnh**

Chất lượng, kết quả xếp loại giáo dục của học sinh được giữ vững, ổn định qua nhiều năm.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng phối hợp với phó hiệu trưởng chuyên môn tăng cường giám sát, nhắc nhở và cùng giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh quan tâm nhiều hơn đối với các em chậm phát triển, học khó để kịp thời có kế hoạch phụ đạo, kèm cặp các em học tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 3.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5**

**Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường xây dựng các kế hoạch rõ ràng, cụ thể. Giáo viên thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn đáp ứng mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học.

Các ban ngành, đoàn thể trong nhà trường phối hợp tốt, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Kế hoạch phổ cập giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3 trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Chất lượng, kết quả xếp loại giáo dục, hiệu quả hoạt động giáo dục của học sinh được giữ vững, ổn định qua nhiều năm.

**Điểm yếu cơ bản**

Vẫn còn phụ huynh ít quan tâm đến việc học hoặc do đã thay đổi chỗ ở, cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục tại địa phương không thống kê được chính xác số liệu.

Vẫn còn học sinh chưa hoàn thành Chương trình lớp học.

- Tự đánh giá:

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 05/05 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 1: 0/05 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu Mức 2 04/05 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu Mức 2 01/05 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 01/04 tiêu chí.

+ Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 03/04 tiêu chí.

**Phần III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ vào Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà thực hiện Báo cáo tự đánh giá về 27 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn theo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt được kết quả như sau:

- Số lượng Tiêu chí đạt mức 1: 27/27, tỉ lệ: 100%.

- Số lượng Tiêu chí không đạt mức 1: 00/27, tỉ lệ: 0%.

- Số lượng Tiêu chí đạt mức 2: 17/27, tỉ lệ: 63,0%.

- Số lượng Tiêu chí không đạt mức 2: 10/27, tỉ lệ: 37,0%.

- Số lượng Tiêu chí đạt mức 3: 03/19, tỉ lệ: 15,8%.

- Số lượng Tiêu chí không đạt mức 3: 16/19, tỉ lệ: 84,2%.

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà: Mức 1.

Trường Tiểu học Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Quận 3, ngày 20 tháng 01 năm 2022*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Vũ Bá Luận** |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**

**Bảng danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã**  **Minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày/tháng ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc người thực hiện** | **Ghi chú**  **(Nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí**  **1.1**  Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 05 năm (2020-2025) | Số 79/KH-NSH ngày 19/10/2015 của Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Văn bản được công khai niêm yết trên bảng thông tin và website trường. | Địa chỉ truy cập: http://thnguyensonha.hcm.edu.vn | Văn thư | Máy vi tính |
| 3 | [H1-1.1-03] | - Kế hoạch năm học.  - Báo cáo sơ kết, Báo cáo tổng kết năm học. | - Kế hoạch số 12a/KH-NSH ngày 22/9/2017. (Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 duyệt).  - Kế hoạch số 82/KH-NSH ngày 05/10/2018 (Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 duyệt ngày 31/10/2018).  - Kế hoạch số 104/KH-NSH ngày 18/9/2019 (Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 duyệt).  - Kế hoạch số 116/KH-NSH ngày 22/9/2020 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Kế hoạch kiểm tra nội bộ.  Báo cáo công tác kiểm tra nội bộ. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2**  Hội đồng trường và các hội đồng khác | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ thành lập hội đồng trường  Biên bản họp hội đồng trường. | - Tờ trình số 04/TTr-NSH ngày 27/9/2017 của Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Ủy ban nhân dân Quận 3 | Phòng  Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Thành tích đạt được từng năm | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3**  Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ lưu Công đoàn  - Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của Ban chấp hành công đoàn  - Quyết định công nhận Ban chấp hành công đoàn cơ sở  - Quyết định về việc tiếp nhận công đoàn cơ sở  - Quyết định công nhận Tổ trưởng công đoàn  - Quyết định thành lập Ban nữ công đoàn cơ sở  - Quyết định công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2017-2019.  - Quyết định thành lập Tổ dư luận xã hội  - Hồ sơ Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2020.  - Kế hoạch hoạt động của Công đoàn cơ sở  - Báo cáo tổng kết hoạt động của Công đoàn cơ sở.  - Kế hoạch tổ chức các hội thi  - Các văn bản có liên quan của công đoàn. | - Số 274680/2017 ngày 08/12/2017 của Công an TP Hồ Chí Minh.  - Số 032/QĐ-ToC ngày 23/9/2017 của Công đoàn giáo dục Quận 3  - Số 629/QĐ-ToC ngày 26/10/2017 của LđLĐ Quận 3.  - Số 01/QĐ-CĐCSTVĐ ngày 01/10/2017 của Công đoàn cơ sở Trường tiểu học Nguyễn Sơn Hà  - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Chủ tịch công đoàn | Ban chấp hành công đoàn |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ lưu của Chi đoàn  - Hồ sơ Đại hội Chi đoàn hằng năm  - Quyết định công nhận BCH chi đoàn của Đoàn Phường 11  - Kế hoạt hoạt động hằng năm  - Báo cáo cáo tổng kết  - Các hội thi  - Giấy khen của Đoàn cấp trên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Bí thư chi đoàn | Phòng  Đoàn đội |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ lưu của Liên đội  - Hồ sơ Đại hội Liên đội hằng năm  - Kế hoạt hoạt động hằng năm  - Báo cáo cáo tổng kết  - Các hội thi  - Giấy khen của Đoàn cấp trên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Tổng phụ trách | Phòng  Đoàn đội |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ lưu của Chi bộ  - Hồ sơ Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2017-2020.  - Quyết định chuẩn y Bí thư chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà  - Hồ sơ Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022.  - Quyết định chuẩn y Cấp ủy chi bộTrường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà  - Hồ sơ phân tích chất lượng tổ chức đảng và đảng viên.  - Giấy khen của đảng uỷ | - Ngày /6/2017  - Quyết định số -QĐ/ĐU ngày /6/2017 của Đảng ủy Phường 3.  - Ngày 28/02/2020  - Quyết định số 09-QĐ/ĐU ngày 09/3/2020 của Đảng ủy Phường 3.  - Năm 2017, 2018, 2019, 2020 | Cấp ủy | Cấp ủy |
| **Tiêu chí 1.4**  Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng,  tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 1 | [H1-1.4-01] | - Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng  - Quyết định điều động bổ nhiệm Phó hiệu trưởng;  - Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. | - Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của Ủy ban nhân dân Quận 3.  - Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2017 của Ủy ban nhân dân Quận 3.  - Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 3. | Ủy ban nhân dân Quận 3 | Văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | - Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.  - Quyết định phân công Tổ trưởng, tổ phó. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ của tổ chuyên môn  - Lịch hoạt động các chuyên đề chuyên môn của tổ,  - Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, học kỳ, năm học;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền về hoạt động tổ chuyên môn;  - Bằng khen, Giấy khen liên quan hoặc đánh giá, nhận xét của các cấp có thẩm quyền; | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Tổ trưởng chuyên môn | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ của tổ Văn phòng  - Lịch hoạt động các chuyên đề chuyên môn của tổ,  - Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, học kỳ, năm học;  - Báo cáo sơ kết, tổng kết;  - Sổ ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn;  - Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền về hoạt động tổ chuyên môn;  - Bằng khen, Giấy khen liên quan hoặc đánh giá, nhận xét của các cấp có thẩm quyền; | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Tổ trưởng Văn phòng | Văn thư |
|  | 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ tổ chức chuyên đề | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | - Tổ trưởng chuyên môn  - Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.4-06] | - Kế hoạch hoạt động thiết bị.  - Kế hoạch hoạt động thư viện.  - Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên thư viện | Thư viện |
| 7 | [H1-1.4-07] | - Kế hoạch hoạt động y tế học đường.  - Báo cáo y tế học đường.  - Biên bản kiểm tra công tác y tế học đường.  - Biên bản giám sát hoạt động phòng chống dịch trong trường học | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Y tế | Phòng Y tế |
| 8 | [H1-1.4-08] | Hồ sơ tài chánh | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 9 | [H1-1.4-09] | Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5**  Khối lớp  và tổ chức lớp học | 1 | [H1-1.5-01] | - Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên. | - Quyết định số 01/QĐ-NSH ngày 01/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Quyết định số 62/QĐ-NSH ngày 07/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Quyết định số 78/QĐ-NSH ngày 05/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Quyết định số 100/QĐ-NSH ngày 19/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà. | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ chủ nhiệm của giáo viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Giáo viên chủ nhiệm | Văn thư |
| 3 | [H1-1.5-03] | - Hình ảnh lớp học  - Hình ảnh bàn ghế học sinh, giáo viên.  - Hình ảnh bảng lớp. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.6**  Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 1 | [H1-1.6-01] | - Sổ công văn đến  - Sổ công văn đi | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H1-1.6-02] | Dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hình ảnh niêm yết tại Phòng Hội đồng sư phạm. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Văn thư | Phòng  Hội đồng |
| 4 | [H1-1.6-04] | Sổ kiểm kê tài sản. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 5 | [H1-1.6-05] | Quy chế chi tiêu nội bộ. | Năm 2018  Năm 2019  Năm 2020  Năm 2021  Năm 2022 | Hiệu trưởng  Kế toán | - Phòng Tài vụ  - Ban chấp hành công đoàn |
| 6 | [H1-1.6-06] | Phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 7 | [H1-1.6-07] | Kết luận kiểm tra, quyết toán tài chính đơn vị của Ủy ban nhân dân Quận 3. | Năm 2018  Năm 2019  Năm 2020  Năm 2021 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| **Tiêu chí 1.7:**  Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ quản lý công tác Bồi dưỡng thường xuyên của trường. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Bảng chế độ lương và chế độ phụ cấp khác | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức, viên chức. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | - Hiệu trưởng  - Công đoàn | - Phòng Tài vụ  - Ban chấp hành công đoàn |
| **Tiêu chí 1.8:**  Quản lý các hoạt động giáo dục | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch chuyên môn hằng năm | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | - Kế hoạch công tác chuyên môn tháng.  - Báo cáo sơ kết công tác chuyên môn tháng. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.8-03] | Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.8-04] | - Sổ họp chuyên môn của trường.  - Biên bản sinh hoạt chuyên môn của các tổ | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Tổ trưởng chuyên môn | Văn thư |
| 5 | [H1-1.8-05] | Biên bản kiểm tra hoạt động giáo dục của các cấp. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.8-06] | Bằng khen, giấy khen, hình ảnh tham gia các hội thi của các đoàn thể. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.9:**  Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 1 | [H1-1.9-01] | - Sổ Nghị quyết Hội đồng sư phạm.  - Sổ họp liên tịch. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Thư ký  hội đồng | Văn thư |
| 2 | [H1-1.9-02] | - Quy chế dân chủ cơ sở  - Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Văn thư |
| 3 | [H1-1.9-03] | - Quyết định phân công cán bộ tiếp công dân  - Quy trình tiếp công dân  - Sổ tiếp công dân. | - Quyết định số 92/QĐ-NSH ngày 30/11/2017 của Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Quyết định số 95/QĐ-NSH ngày 01/12/2019 của Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà.  - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.9-04] | - Quyết định công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2017- 2019.  - Quyết định công nhận Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2019- 2021.  - Kế hoạch hoạt động.  - Báo cáo tổng kết hoạt động. | - Quyết định số 144/QĐ-CĐCS ngày 08/11/2017 của Ban chấp hành công đoàn trường.  - Quyết định số 14/QĐ-CĐCS ngày 10/11/2019 của Ban chấp hành công đoàn trường.  - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Trưởng Ban thanh tra nhân dân | Ban thanh tra nhân dân |
| **Tiêu chí 1.10:**  Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 1 | [H1-1.10-01] | Quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ Ban chăm sóc sức khỏe trong trường học. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Y tế | Phòng y tế |
| 2 | [H1-1.10-02] | - Công văn ký kết liên tịch giữa nhà trường và Công an phường 11 về đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường năm 2019  - Giấy khen của Ủy ban nhân dân Quận 3.  - Sổ bàn giao ca trực bảo vệ. | Công văn số 03/KHLT-NSH ngày 14/01/2019 giữa Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà và Công an Phường 3.  - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Bảo vệ | Văn thư |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ An toàn thực phẩm gồm:  - Quyết định chọn đơn vị cung cấp thực phẩm trong nhà trường; Hợp đồng với các đơn vị cung cấp hàng.  - Biên bản kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ quan chức năng. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Y tế | Phòng Y tế |
| 4 | [H1-1.10-04] | - Kế hoạch đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn, thương tích.  - Kế hoạch phòng chống dịch bệnh, Kế hoạch truyền thông sức khoẻ. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Y tế | Phòng Y tế |
| 5 | [H1-1.10-05] | Phương án phòng cháy chữa cháy. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Cổng thông tin điện tử,  Hoá đơn điện thoại. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 7 | [H1-1.10-07] | Hình ảnh tập huấn cách thức thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm … cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 2.1:**  Đối với hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2:**  Đối với giáo viên | 2 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.2-02] | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3:**  Đối với nhân viên | 1 | [H2-2.3-01] | Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức hằng năm. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2-3-02] | Hồ sơ đánh giá thi đua cán bộ, giáo viên nhân viên hằng năm. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.4:**  Đối với học sinh | 1 | [H2-2.4-01] | Sổ đăng bộ. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Văn thư |
| 2 | [H2-2.4-02] | Hồ sơ tuyển sinh lớp 1. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.4-03] | Học bạ học sinh. | Lớp 1 đến lớp 5 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H2-2.4-04] | Hình ảnh các hoạt động chăm sóc, học tập, vui chơi của học sinh. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| 5 | [H2-2.4-05] | Danh sách học sinh nhận thưởng hằng năm. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1:**  Khuôn viên, sân chơi, sân tập | 1 | [H3-3.1-01] | Hình chụp khuôn viên nhà trường; Hình chụp cổng, biển tên trường, tường bao quanh; Hình chụp sân chơi, bãi tập. | - Năm học 2020-2021 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H3-3.1-02] | - Quyết định đổi tên Trường | - Quyết định số /QĐ-UB ngày của Ủy ban nhân dân Quận 3. | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hồ sơ công trình xây dựng nhà trường. | Các bản vẽ dự án đầu tư xây dựng mới Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà | Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.2:**  Phòng học | 1 | [H3-3.2-01] | Sơ đồ các phòng học, lớp học | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H3-3.2-02] | Sổ tài sản thiết bị. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| 3 | [H3-3.2-03] | Biên bản kiểm thiết bị, đồ dùng dạy học | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| **Tiêu chí 3.3:**  Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị | 1 | [H3-3.3-01] | Hình khối phòng phục vụ học tập  Hình khối phòng hành chính quản trị | - Năm học 2020-2021 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| **Tiêu chí 3.4:**  Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh các khu nhà vệ sinh | - Năm học 2020-2021 | Nhân viên Văn thư | Văn thư |
| 2 | [H3-3.4-02] | - Giấy chứng nhận xét nghiệm nước máy sinh hoạt,  - Giấy chứng nhận xét nghiệm nước uống,  - Hợp đồng cung cấp nước uống.  - Biên bản khảo sát vệ sinh, chất lượng nước ănuống, sinh hoạt tại trường học | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Y tế | Phòng Y tế |
| 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng, hoá đơn thanh toán tiền nước máy. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hợp đồng, hoá đơn thanh toán thu gom rác. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 1 | [H3-3.5-01] | Danh mục thiết bị dạy học, Sổ mượn thiết bị dạy học. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| 2 | [H3-3.5-02] | Kế hoạch mua sắm thiết bị và đồ dùng dạy học, Hóa đơn mua sắm, sửa chữa thiết bị. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| 3 | [H3-3.5-03] | Hoá đơn, hợp đồng thanh toán dịch vụ Internet. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên  Kế toán | Phòng Tài vụ |
| 4 | [H3-3.5-04] | Kế hoạch tổ chức các hội thi làm đồ dùng dạy học, Danh sách, hình ảnh các thiết bị dạy học tự làm của giáo viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| **Tiêu chí 3.6:**  Thư viện | 1 | [H3-3.6-01] | - Danh mục các loại sách, báo, tài liệu tham khảo  - Hóa đơn mua sách báo, phiếu xuất, nhập kho (bổ sung sách) | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| 2 | [H3-3.6-02] | Sổ mượn sách của giáo viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hình ảnh các hoạt động của thư viện. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Nhân viên Thư viện | Thư viện |
| **Tiêu chí 4.1:**  Ban đại diện cha mẹ học sinh | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh trường. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Ban đại diện cha mẹ học sinh  Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Ban đại diện cha mẹ học sinh  Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.1-03] | Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Ban đại diện cha mẹ học sinh  Hiệu trưởng | Phòng  Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2:**  Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 1 | [H4-4.2-01] | - Kế hoạch công tác chi bộ hàng tháng | Năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 | Cấp ủy | Cấp ủy |
| 2 | [H4-4.2-02] | Hình ảnh cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động văn hoá, đền ơn đáp nghĩa, thể dục thể thao tại địa phương. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Tổng phụ trách | Phòng  Đoàn đội |
| **Tiêu chí 5.1:**  Kế hoạch giáo dục của nhà trường | 1 | [H5-5.1-01] | Thời khóa biểu. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2:**  Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 1 | [H5-5.2-01] | Kế hoạch bài dạy của giáo viên. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Giáo viên | Giáo viên |
| 2 | [H5-5.2-02] | Biên bản họp lớp bình bầu khen thưởng cuối năm. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.2-03] | Danh sách bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H5-5.2-04] | Bảng tổng hợp kết quả học tập. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3:**  Thực hiện các hoạt động giáo dục khác | 1 | [H5-5.3-01] | Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường (ngoài giờ lên lớp, an toàn giao thông ...) | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.3-02] | Hình ảnh, clip các hoạt động của nhà trường tổ chức cho học sinh | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.3-03] | Bằng khen, giấy khen tập thể, cá nhân. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Ủy ban nhân dân, ban ngành, đoàn thể quận và thành phố | Văn thư |
| **Tiêu chí 5.4:**  Công tác phổ cập giáo dục tiểu học |  |  | Sử dụng các minh chứng Tiêu chí trước | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 |  |  |
| **Tiêu chí 5.5:**  Kết quả giáo dục | 1 | [H5-5.5-01] | Biên bản xét duyệt cuối năm, Hồ sơ lên lớp, kiểm tra lại, ở lại, báo cáo thống kê. | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.5-02] | Hồ sơ kiểm tra lớp 5, hoàn thành chương trình tiểu học | - Năm học 2017-2018  - Năm học 2018-2019  - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |